

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN P  
TỈNH HẬU GIANG**

Bản án số: 62/2022/HNGĐ-ST  
Ngày 06 – 6 – 2022  
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH HẬU GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Hoàng Em.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trịnh Xuân Hoàng.
2. Ông Nguyễn Văn Dương.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Mỹ Chi là Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Hậu Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa:** Bà Phan Thị Cẩm Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 19/2022/TLST – HNGĐ, ngày 20 tháng 01 năm 2022, về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2022/QĐXXST - HNGĐ, ngày 12 tháng 4 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 43/2022/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Bùi Thị T, sinh năm 1987.

Địa chỉ: ấp A, thị trấn B, huyện P, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

- **Bị đơn:** Anh Phan Văn H, sinh năm 1982.

Địa chỉ: ấp A, thị trấn B, huyện P, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện gửi Tòa án và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh H có tìm hiểu và tiến đến hôn nhân vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện P, tỉnh Hậu Giang. Quá trình chung sống thì vợ chồng hạnh phúc được một thời gian, từ năm 2018 đến nay thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không còn hợp nhau, cả hai không còn quan tâm, yêu thương, chia sẻ nhau trong cuộc sống, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Chị và anh H đã nhiều lần tìm cách hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thành. Chị T nhận thấy không

còn tình cảm với anh H nữa nên chị yêu cầu ly hôn.

Về con chung: có 01 con chung tên Phan Minh K (giới tính: Nam), sinh ngày 27/10/2011. Hiện con chung do chị trực tiếp nuôi dưỡng, chị T yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Trong quá trình giải quyết vụ án:* bị đơn anh Phan Văn H đều vắng mặt nên chưa thể hiện ý kiến.

*Tại phiên tòa,* chị T và anh H vắng mặt.

*Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:* Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng của vụ án nên xem như đã từ bỏ các quyền lợi của mình. Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị T được ly hôn với anh H. Về con chung: giao cháu Phan Minh K (giới tính: Nam), sinh ngày 27/10/2011 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Dành quyền thăm nom, con chung cho anh H. Về án phí chị T phải chịu theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* nguyên đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn, yêu cầu được nuôi con, Tòa xác định quan hệ pháp luật tranh chấp phải giải quyết trong vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1, khoản 5 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về thẩm quyền giải quyết:* bị đơn trong vụ án là anh Phan Văn H có địa chỉ cư trú tại huyện P, tỉnh Hậu Giang. Căn cứ quy định tại các điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Hậu Giang.

[3] *Về xét xử trong trường hợp có đương sự vắng mặt tại phiên tòa:* chị Bùi Thị T là nguyên đơn trong vụ án có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh Phan Văn H là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[4] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Bùi Thị T và anh Phan Văn H tiến đến hôn nhân vào năm 2011 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên hôn nhân của anh chị được công nhận hợp pháp. Quá trình chung sống chị T và anh H phát sinh mâu thuẫn, chị T yêu cầu ly hôn, anh H chưa thể hiện ý kiến. Tòa xét thấy: Hôn nhân của anh chị dù được xác lập trên cơ sở tự nguyện, nhưng quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, khi có mâu thuẫn anh chị không giải quyết được dẫn đến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, không còn

quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau trong cuộc sống và anh chị cũng không có biện pháp nào hàn gắn mối quan hệ vợ chồng. Mặt khác, quá trình Tòa án giải quyết vụ án anh H bỏ mặc không đến Tòa, điều đó chứng tỏ tình cảm của anh H đối với chị T cũng không còn, mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân của anh chị đã thật sự trầm trọng, nếu tiếp tục chung sống sẽ không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa chấp nhận yêu cầu của chị T, cho chị T được ly hôn với anh H.

[5] *Về con chung*: Chị T và anh H có 01 con chung tên Phan Minh K (giới tính: Nam), sinh ngày 27/10/2011, hiện đang sống với chị T. Chị T yêu cầu được nuôi con chung, anh H chưa thể hiện ý kiến. Tòa xét thấy: cháu Phan Minh K hiện do chị T trực tiếp nuôi dưỡng, cháu K đã trên 07 tuổi và có nguyện vọng được sống với mẹ nếu cha mẹ cháu ly hôn. Mặt khác, để tránh xáo trộn cuộc sống hiện tại của cháu, trên cơ sở xem xét quyền lợi về mọi mặt của các cháu. Căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu K cho chị T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng.

[6] *Về cấp dưỡng nuôi con*: Theo khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con*”. Tuy nhiên do chưa yêu cầu, nên Tòa chưa xem xét trong cùng vụ án này.

[7] *Về tài sản chung và nợ chung*: các đương sự không ai có yêu cầu giải quyết nên Tòa chưa xem xét. Nếu sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết thành một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[8] *Về án phí*: nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo mức không có giá ngạch theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[9] Đối với phát biểu quan điểm về tố tụng và đề nghị về nội dung giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ. Hội đồng xét xử thống nhất và chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 147, 228, 238, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị T được ly hôn với anh Phan Văn H.
2. Về con chung: giao cháu Phan Minh K (giới tính: Nam), sinh ngày 27/10/2011 cho chị Bùi Thị T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Phan Văn H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: buộc chị Bùi Thị T chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chuyển 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai thu số 0007713 ngày 20/01/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P thành án phí.

4. Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- UBND xã TT B, PH, HG.
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Hoàng Em**